

Bản án số: 26/2019/ DS-ST

Ngày 11/9/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Viết Sang.
2. Bà Nguyễn Thị Cương.

- Thư ký phiên tòa: bà Lương Thị Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2019/TLST-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2019. Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2019/QĐST-DS ngày 23/8/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến Ư, sinh năm 1956 (có mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Thôn D Đ, thị trấn L, huyện T D, tỉnh B N.

Nơi ở: Thôn V, xã B S, huyện V Y, tỉnh B G.

* Bị đơn: Chị Trần Thị Á, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ T, xã Đ K, huyện Y Th, tỉnh B Gi.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1963 ủy quyền cho ông Nguyễn Tiến Ư là đại diện theo ủy quyền (có mặt)

Nơi ở Thôn V, xã B S, huyện V Y, tỉnh B Gi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, ông Nguyễn Tiến Ư trình bày: Do có quen biết bà Trần Thị Á trong việc tư vấn tài chính cho công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm HanWhaLife, chi nhánh B G. Vào ngày 19/01/2016 ông Ư có cho bà Trần Thị Á vay số tiền là 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng) khi vay hai bên có

thỏa thuận lãi xuất là 1,5%/1 tháng, thời hạn vay là 2 năm, mục đích vay để giải quyết việc gia đình. Khi vay bà A có thể chấp 762m² đất thuộc thửa số 72, tờ bản đồ số 6 do UBND huyện Y Th cấp kèm theo bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng số Đ 090644, bà A nói chỉ có bản phô tô công chứng, bản gốc đang lưu ở Ngân hàng. Ngày 22/01/2016 bà A lại tiếp tục hỏi mượn hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của vợ ông U và bà Nguyễn Thị A mục đích để vay thêm khoảng 50.000.000 đến 60.000.000 đồng triệu đồng tiền của Ngân hàng và hứa nếu vay được sẽ trả vợ chồng ông số tiền 39.000.000đ đã vay và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 635305 diện tích đất ruộng ghi trong giấy là 2.240m² nhưng do Ngân hàng không cho vay tiền nên bà A đã trả lại hợp đồng bảo hiểm cho vợ ông U và bà Nguyễn Thị A. Đến ngày 01/7/2018 bà A có đến nhà ông hỏi mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 635305 về để làm thủ tục đổi sổ mới. Do tin tưởng bà A làm thủ tục đổi sổ mới thật nên ông đã cho bà A mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ đó đến nay ông tìm, đòi nhiều lần nhưng bà A không trả tiền và không đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã mượn trả cho ông. Nay ông U làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị A trả ông số tiền gốc đã vay là 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng). Yêu cầu trả lãi theo lãi xuất 1,5%/1 tháng từ ngày vay đến khi trả xong nợ. Nay tại phiên tòa ông U thay đổi chỉ yêu cầu bà A phải trả vợ chồng ông số tiền gốc 39.000.000đ và tiền lãi là 1,125%/1 tháng tính từ ngày 19/01/2016. Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày 19/4/2019 là 58.188.000 đồng. Ông U thừa nhận chỉ cho bà Trần Thị A vay tiền, chồng bà A đã chết, các con bà A không biết việc vay nợ này.

Tại bản khai của bà Nguyễn Thị A trình bày. Bà là vợ ông Nguyễn Tiến U, việc ông U cho bà Trần Thị A ở Đ K, Y Th vay 39.000.000đ như thế nào bà không biết, sau đó vài hôm bà A có hỏi mượn bà hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của để vay thêm tiền Ngân hàng thì bà mới biết. Bà có cho bà A mượn hợp đồng bảo hiểm để vay tiền Ngân hàng nhưng bà Trần Thị A không vay được được tiền nên đã trả bà hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, còn số tiền bà A vay của ông U là chồng bà đến nay chưa trả. Đây là tiền chung của gia đình bà, nay bà A trốn tránh không trả. Bà yêu cầu bà A có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà tiền gốc là 39.000.000đ và yêu cầu trả lãi theo lãi xuất là 1,5 % tháng tính từ ngày vay 19/01/2016 đến khi trả xong nợ.

Quá trình thụ lý vụ kiện Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng bà Trần Thị A vắng mặt không có lý do qua xác minh tại chính quyền địa phương xã Đ K cung cấp bà Trần Thị A hiện tại không có mặt tại địa phương, bà A đi đâu làm gì địa phương không nắm được, chỉ biết bà A thường xuyên không có mặt ở địa phương chỉ thấy thỉnh thoảng bà A mới về nhà một hai ngày lại đi ngay, bà A sinh sống cùng một người con trai hiện tại con trai bà A cũng đi làm công ty ở B G, con bà A làm ở công ty gì và địa chỉ cụ thể ở đâu địa phương cũng không nắm được, chỉ biết con trai bà A đi làm thỉnh thoảng tối mới về nhà.

Do bà Á không có mặt tại địa phương, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, đã đăng thông báo tìm kiếm bà Á trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật nhưng đến nay bà Á cũng không về giải quyết việc kiện. Tại phiên tòa lần 1 mở ngày 23/8/2019 bà Á vắng mặt, phiên tòa mở lần thứ 2 vào ngày 11/9/2019 Bà Á vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà Trần Thị Á.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, người liên quan đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, không đến phiên tòa xét xử.

+ *Về hướng giải quyết:* Đề nghị HĐXX áp dụng: Áp dụng khoản 3 điều 26, điểm a, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, điểm b, khoản 2 điều 227, điều 271, điều 273, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474, khoản 1 điều 476, khoản 2 điều 478 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Tiến Ư buộc chị Trần Thị Á phải trả cho ông Ư, bà Nguyễn Thị Á số tiền gốc 39.000.000.000 đồng; lãi xuất 1,125%/1 tháng tính từ ngày 19/01/2016 đến ngày 11/9/2019 là 19.188.000đ.

Về tiền chi phí đăng thông báo tìm kiếm bà Á trên phương tiện thông tin đại chúng hết số tiền 3.000.000đ ông Ư đã tự nguyện nộp và thanh toán xong.

- Yêu cầu của ông Ư được chấp nhận nên ông Ư không phải chịu tiền án phí.

- Bà Trần Thị Á phải chịu 2.909.400đ tiền án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Ư khởi kiện bà Á về tranh chấp hợp đồng vay tài sản bà Án có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay ở thôn Đ T, xã Đ K huyện Y Th, tỉnh B G. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y Th, tỉnh B G.

Quá trình thụ lý, giải quyết bà Á vắng mặt không có lý do Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, đăng thông báo tìm kiếm trên Báo Công lý, đài tiếng nói Việt Nam, cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân Tối cao theo quy định nhưng bà Án không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ, không đến tham gia

phiên tòa. HĐXX Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227, của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt bà Trần Thị Á.

Về áp dụng pháp luật: Sự kiện pháp lý xảy ra vào năm 2016 đến nay chưa được thực hiện nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Do có quen biết nên vào ngày 19/01/2016 ông U có cho bà Ân vay số tiền 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng), khi vay hai bên viết giấy vay tiền và thỏa thuận thời hạn trả ngày 19/01/2018), lãi xuất 1,5%/1 tháng. Đến hạn bà Ân không trả tiền cho ông U, ông U đã đòi nhiều lần nhưng bà Ân khất lần có ý thức trốn tránh. Nay ông U khởi kiện đòi bà Ân số tiền là 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng). Tiền lãi tại phiên tòa ông U yêu cầu bà Á trả lãi theo lãi xuất 1,125%/1 tháng tính từ ngày 19/01/2016 đến nay. Phía ông U cung cấp giấy vay tiền có chữ ký của bà Trần Thị Á, phía bà Á đã được niêm yết các văn bản tố tụng tại địa phương, Đăng thông báo tìm kiếm trên các phương tiện báo, đài nhưng không đến Tòa án và không có ý kiến gì. Căn cứ vào giấy vay tiền của bà Ân do ông U cung cấp có căn cứ khẳng định việc bà Á vay tiền của ông U là có thật do đó yêu cầu khởi kiện của ông U được chấp nhận. Tại phiên tòa ông U thừa nhận chỉ cho một mình bà Á vay tiền, chồng bà Ân đã chết từ trư, các con bà Á không được vay mượn nên không biết. Do vậy cần buộc bà Trần Thị Á phải có trách nhiệm trả ông Nguyễn Tiến U bà Nguyễn Thị Ân số tiền gốc đã vay là 39.000.000đ. Về tiền lãi tại phiên tòa ông U yêu cầu tính lãi xuất 1,125% tính từ ngày 19/01/2016 đến nay là 43 tháng 22 ngày. Xét thấy lãi xuất này không vượt quá quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Cần buộc bà Trần Thị Á phải trả lãi cho ông U, bà Nguyễn Thị Ân ($39.000.000đ \times 1,125\%/1 \text{ tháng} \times 43 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 19.188.000đ$).

Về lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án: Bà Á phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đối với việc bà Á thế chấp 762m² đất tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 6, việc bà Ân thế chấp quyền sử dụng đất không tuân thủ theo quy định có sự đồng ý của đồng sở hữu tài sản, và tại phiên tòa ông U không yêu cầu xem xét đến việc thế chấp tài sản nên HĐXX không đề cập xem xét.

Ông U là người khuyết tật thuộc đối tượng không phải nộp tạm ứng án phí. Do yêu cầu của ông U, bà Nguyễn Thị Á được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí đăng thông báo tìm kiếm bà Trần Thị Á, ông U là người yêu cầu nên phải chịu chi phí đăng thông báo tìm kiếm. Số tiền này ông U đã nộp chi phí và được thanh toán xong.

Bà Trần Thị Á phải chịu 2.909.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật: Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 207; Điểm b, khoản 2, điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471; Điều 474; Khoản 1, Điều 476; khoản 2 điều 478 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung: Xử buộc bà Trần Thị Á có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tiến U và bà Nguyễn Thị Á số tiền vay nợ 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 11/9/2019 là 19.880.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 58.188.000đ (Năm mươi tám triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng).

3. Về lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về tiền án phí.

- Về tiền án phí: Bà Trần Thị Á phải chịu 2.909.000 đồng (hai triệu chín trăm linh chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Bản án đã được thông qua tại phòng nghị án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- THA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh